

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **89**/TNFS-TCKT  
V/v: giải trình ý kiến kiểm toán  
ngoại trừ BCTC 6 tháng

Tân Thành, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 155/2015/TT- BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2018 của Công Ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất (TNFS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.
- TNFS xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến việc chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP( VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH Thép MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ ( PFS) và việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau :
- Do tình hình tài chính khó khăn nên TNFS đã làm việc với TNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ trên. TNFS đã được 2 đơn vị trên chấp thuận trong BCTC năm 2016, 2017, 6 tháng 2018.
  - Trong quý 1/ 2016 TNFS đã ký hợp đồng 01,02,03/ HD9MB-TNFS cung cấp thép cán nguội cho công Ty Tôn Phương Nam với giá bán cố định bình quân 8.891.940 đồng/ tấn, tổng lượng là 5.000 tấn. TNFS đã cung cấp được 2.857 tấn còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Cuối năm 2017, TNFS đã thực hiện trích lập dự phòng cho lượng còn lại này để giảm rủi ro về tài chính khi thực hiện xong các đơn hàng trên. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2018, do giá thép cán nguội vẫn liên tục tăng cao gây khó khăn cho việc thương lượng giá cả giữa 2 bên, cũng như thực hiện tiếp các đơn hàng này dẫn đến TNFS vẫn còn đang trích lập dự phòng cho lượng hàng trên.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



**Nguyễn Văn Đại**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90 /TNFS-TCKT  
V/v: giải trình lợi nhuận sau  
thuế 6 tháng 2018

Tân Thành, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất (TNFS) xin giải trình về lợi nhuận sau thuế (LNST) của TNFS 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

LNST 6 tháng đầu năm 2018 giảm so với LNST 6 tháng đầu năm 2017. Do các nguyên nhân sau:

- 6 tháng đầu năm 2018 sản lượng tiêu thụ giảm 44% so với cùng kỳ 2017 nên doanh thu giảm 25% so với cùng kỳ 2017.
- Sản lượng sản xuất giảm 45% so với cùng kỳ nên chi phí và giá thành tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

Các nguyên nhân trên dẫn đến LNST 6 tháng đầu năm 2018 của TNFS giảm hơn so với cùng kỳ 2017

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Chữ ký, đóng dấu)  
  
Nguyễn Văn Đại

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018  
(đã được soát xét)

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-35



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Ủy viên
Ông Lê Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hường	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên
Bà Võ Thị Lê Châu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.



KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2018



Số: 140818.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được lập ngày 10 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả với Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel lũy kế đến 30/06/2018 là 21.828.265.024 đồng, trong đó chi phí năm 2016; năm 2017 và kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 chưa ghi nhận lần lượt là 9.548.212.755 đồng; 8.407.665.806 đồng và 3.872.386.463 đồng. Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018 chỉ tiêu "Chi phí phải trả" đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa với cùng số tiền 21.828.265.024 đồng, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018; năm 2017 và năm 2016 đang phản ánh thừa số tiền tương ứng là 3.872.386.463 đồng; 8.407.665.806 đồng và 9.548.212.755 đồng.

2. Trong năm 2016, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS với giá bán cố định bình quân là 8.891.940 đồng/tấn với Công ty Tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo các hợp đồng là 5.000 tấn, Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn, còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do giá thép liên tục tăng, nên tới thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thực hiện cung cấp số thép còn lại theo các điều khoản của hợp đồng này. Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty đang thực hiện trích lập Dự phòng phải trả đối với tổn thất nếu tiếp tục thực hiện các hợp đồng trên với số tiền là 12.495.864.475 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được chính xác giá trị khoản thiệt hại có thể phát sinh nếu Công ty hủy bỏ hợp đồng nêu trên hoặc tiếp tục cung cấp bổ sung lượng hàng còn thiếu theo các hợp đồng đã ký với Công ty Tôn Phương Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh khoản Dự phòng phải trả đối với hợp đồng này hay không.

#### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm 30/06/2018, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 182,58 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 167,82 tỷ đồng, tương ứng 83,91% vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>290.591.538.726</b>	<b>192.096.237.724</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>28.395.321.918</b>	<b>97.835.311.975</b>
111	1. Tiền		25.371.207.915	31.271.423.086
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.024.114.003	66.563.888.889
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>67.281.916.011</b>	<b>19.108.160.983</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	53.004.192.860	687.718.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.226.943.428	4.577.891.724
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	12.050.779.723	13.842.550.659
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>185.853.515.419</b>	<b>72.898.900.908</b>
141	1. Hàng tồn kho		185.853.515.419	74.103.695.237
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.204.794.329)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.060.785.378</b>	<b>2.253.863.858</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.869.156.575	639.018.276
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.073.230.617	1.522.963.082
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	118.398.186	91.882.500
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>350.779.555.484</b>	<b>367.882.418.547</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>338.087.988.919</b>	<b>352.091.827.087</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	338.087.988.919	352.091.827.087
222	- Nguyên giá		540.620.465.697	540.620.465.697
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(202.532.476.778)	(188.528.638.610)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.691.566.565</b>	<b>15.790.591.460</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.691.566.565	15.790.591.460
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>641.371.094.210</b>	<b>559.978.656.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>608.417.438.184</b>	<b>535.500.619.167</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>473.171.350.925</b>	<b>355.967.251.292</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	242.959.139.378	136.902.105.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	49.608.726.006	20.404.510.194
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	-	2.120.122.424
314	4. Phải trả người lao động		600.866.471	908.442.853
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	3.914.738.553	4.474.560.239
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	83.072.527.593	82.855.890.133
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	80.396.108.642	95.682.376.101
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	12.495.864.475	12.495.864.475
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		123.379.807	123.379.807
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>135.246.087.259</b>	<b>179.533.367.875</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	135.246.087.259	179.533.367.875
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>32.953.656.026</b>	<b>24.478.037.104</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>32.953.656.026</b>	<b>24.478.037.104</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		769.839.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(167.816.183.718)	(176.291.802.640)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(176.291.802.640)	(252.410.377.811)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		8.475.618.922	76.118.575.171
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>641.371.094.210</b>	<b>559.978.656.271</b>

Võ Thị Thủy  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2018



TH  
TI  
TÂN TH



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam


**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	656.175.363.037	876.683.625.147
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	211.937.291	252.825.597
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		655.963.425.746	876.430.799.550
11	4. Giá vốn hàng bán	20	640.771.035.758	809.230.146.090
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.192.389.988	67.200.653.460
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	927.024.264	702.869.033
22	7. Chi phí tài chính	22	2.570.684.168	5.992.870.617
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.574.479.166	5.982.794.617
25	8. Chi phí bán hàng	23	702.643.969	1.198.971.651
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.083.417.244	4.604.037.378
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.762.668.871	56.107.642.847
31	11. Thu nhập khác	25	194.413.070	59.602.906
32	12. Chi phí khác	26	481.463.019	510.720.831
40	13. Lợi nhuận khác		(287.049.949)	(451.117.925)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.475.618.922	55.656.524.922
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.475.618.922	55.656.524.922
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	424	2.783

  
Võ Thị Thủy  
Người lập

  
Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.475.618.922	55.656.524.922
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.003.838.168	14.071.514.835
03	- Các khoản dự phòng		(1.204.794.329)	1.102.071.678
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		978.356.677	(155.475.968)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(430.440.022)	(547.393.065)
06	- Chi phí lãi vay		1.574.479.166	5.982.794.617
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.397.058.582	76.110.037.019
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(53.956.866.431)	(7.230.316.526)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(111.749.820.182)	31.670.818.044
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		130.904.919.649	(47.245.851.717)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.868.886.596	(14.396.808.447)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	10.360.291
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.535.821.786)	38.918.238.664
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		636.768.204	676.120.155
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		636.768.204	676.120.155



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	5.700.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(60.540.936.475)	(38.985.026.358)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(60.540.936.475)</i>	<i>(33.285.026.358)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(69.439.990.057)	6.309.332.461
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		97.835.311.975	10.831.908.050
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>28.395.321.918</u>	<u>17.141.240.511</u>

Võ Thị Thủy  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2018

T. M. N. AN

000  
3 T  
H  
A  
M  
N  
3 A P

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do chịu sự ảnh hưởng của thị trường thép trong nước cùng với việc các khách hàng gia công chủ lực của Công ty tiến hành đầu tư và đưa vào các dây chuyền cán nguội để tự cung cấp khiến sản lượng tiêu thụ của Công ty sụt giảm nghiêm trọng dẫn đến kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 30/06/2018, lỗ lũy kế của Công ty là 167.816.183.718 đồng, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 182.579.812.199 đồng. Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả bên ngoài vẫn được thanh toán đúng tiến độ và không có nợ quá hạn. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

31111  
CÔNG  
TẮC NH  
IANG  
A  
HOÀN

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

### 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 2.16 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.





## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### 2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Ưu đãi thuế

Theo giấy phép đầu tư số 492031000061 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/09/2007, Công ty được hưởng thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 20%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 12 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

#### c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.22 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	343.735.301	253.214.495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.027.472.614	31.018.208.591
Các khoản tương đương tiền	3.024.114.003	66.563.888.889
	<b>28.395.321.918</b>	<b>97.835.311.975</b>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 3.024.114.003 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu với lãi suất 4,1%/năm.

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	700.371.298	-	313.677.540	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	51.591.577.908	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	712.243.654	-	374.041.060	-
	<b>53.004.192.860</b>	<b>-</b>	<b>687.718.600</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	-	-	602.397.893	-
Công ty TNHH STD&D	910.510.960	-	1.907.526.300	-
Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam Việt	-	-	1.706.383.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng miền Nam	293.382.722	-	-	-
Công ty Cổ phần FIDITOUR	539.960.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	483.089.746	-	361.583.731	-
	<b>2.226.943.428</b>	<b>-</b>	<b>4.577.891.724</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.368.928	-	264.697.110	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	1.022.575	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	4.661.644	-
Tạm ứng	539.328.682	-	462.698.702	-
Ký cược, ký quỹ (*)	11.444.078.778	-	13.105.155.530	-
Phải thu khác	9.003.335	-	4.315.098	-
	<b>12.050.779.723</b>	<b>-</b>	<b>13.842.550.659</b>	<b>-</b>

(\*) Tại 30/06/2018, các khoản ký cược, ký quỹ là tiền bảo lãnh thanh toán được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu đảm bảo cho việc mua hàng từ nhà cung cấp nước ngoài với giá trị 11.440.677.081 đồng và khoản ký quỹ, ký cược đối với Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 27.515.700 đồng.

1110  
NG T  
HỆM HƯ  
HỆM T  
ISC  
M - TP.  
C.T  
Á  
T  
VUNG T

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	40.685.725.912	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	105.411.173.568	-	54.519.185.686	-
Công cụ, dụng cụ	23.380.970	-	46.127.348	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.557.107.582	-	17.843.752.893	(1.088.321.261)
Thành phẩm	19.176.127.387	-	1.694.629.310	(116.473.068)
	<b>185.853.515.419</b>	<b>-</b>	<b>74.103.695.237</b>	<b>(1.204.794.329)</b>

M.S.D.N. 010017

C.T. T. H. H.  
H. A. N.  
H. A. N.  
H. A. N. O. I. \*

A. U. \*

H. A. N. O. I. \*  
S. G. C. A.



**G TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Phủ Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá									
Số dư đầu kỳ	74.852.755.884		444.684.042.360		19.925.625.063		1.158.042.390		540.620.465.697
Số dư cuối kỳ	74.852.755.884		444.684.042.360		19.925.625.063		1.158.042.390		540.620.465.697
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu kỳ	15.043.783.297		157.030.055.105		15.335.048.874		1.119.751.334		188.528.638.610
- Khấu hao trong kỳ	997.167.210		12.044.846.304		935.675.294		26.149.360		14.003.838.168
Số dư cuối kỳ	16.040.950.507		169.074.901.409		16.270.724.168		1.145.900.694		202.532.476.778
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu kỳ	59.808.972.587		287.653.987.255		4.590.576.189		38.291.056		352.091.827.087
Tại ngày cuối kỳ	58.811.805.377		275.609.140.951		3.654.900.895		12.141.696		338.087.988.919

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 285.913.411.499 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.460.174.968 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước tiền thuê đất	382.116.000	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.210.471.150	-
Chi phí bảo hiểm	186.516.925	187.982.269
Chi phí sửa chữa ngắn hạn	90.052.500	451.036.007
	<u><b>1.869.156.575</b></u>	<u><b>639.018.276</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	5.473.939.127	6.329.616.793
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	6.574.745.825	8.577.756.931
Chi phí sửa chữa dài hạn khác	642.881.613	883.217.736
	<u><b>12.691.566.565</b></u>	<u><b>15.790.591.460</b></u>

C.1  
TY  
AM HUU  
KIEM  
AA  
DAN

3100  
ÔNG  
PH.  
P. T. A.  
NG N  
T. B. A.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**10 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	25.108.204.457	25.108.204.457	26.013.939.116	26.013.939.116
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	98.915.167.784	98.915.167.784	40.042.352.510	40.042.352.510
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	76.419.230.304	76.419.230.304	47.927.497.058	47.927.497.058
Phải trả người bán khác	42.516.536.833	42.516.536.833	22.918.316.382	22.918.316.382
	<b>242.959.139.378</b>	<b>242.959.139.378</b>	<b>136.902.105.066</b>	<b>136.902.105.066</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	47.127.497.059	47.127.497.059	39.149.486.347	39.149.486.347
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	24.607.810.339	24.607.810.339	25.007.810.339	25.007.810.339
	<b>71.735.307.398</b>	<b>71.735.307.398</b>	<b>64.157.296.686</b>	<b>64.157.296.686</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>78.602.496.802</b>	<b>78.602.496.802</b>	<b>50.110.763.556</b>	<b>50.110.763.556</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32).				

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	209.743	20.192.300.250
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Tây Nam	49.037.541.524	-
Người mua trả tiền trước khác	570.974.739	212.209.944
	<b>49.608.726.006</b>	<b>20.404.510.194</b>

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

108.256.107

108.256.107

1. M. A.  
H. M.  
LOAN  
30  
TIEM

0067  
TY  
AN  
M LÁ  
HAT  
RIAVU

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Hà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.120.122.424	1.486.373.419	3.606.495.843	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	91.882.500	-	51.830.087	78.345.773	118.398.186	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	39.960.000	39.960.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>91.882.500</b>	<b>2.120.122.424</b>	<b>1.583.163.506</b>	<b>3.729.801.616</b>	<b>118.398.186</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.814.456.868	-
- Lãi chậm trả công nợ mua nguyên vật liệu	-	2.229.009.425
- Lương phép và lương tháng 13	-	2.172.550.814
- Chi phí phải trả khác	100.281.685	73.000.000
	<b>3.914.738.553</b>	<b>4.474.560.239</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	9.057.377	16.190.938
- Bảo hiểm xã hội	136.961.819	1.555.159
- Bảo hiểm y tế	22.874.486	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.959.274	-
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Xi măng	17.293.527.113	17.293.527.113
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.945.350.807	11.945.350.807
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	20.188.142.638	20.188.142.638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	12.347.582.441	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	186.280.319	126.749.718
	<b>83.072.527.593</b>	<b>82.855.890.133</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

- Lãi vay chậm trả	49.427.020.558	49.427.020.558
- Lãi chậm trả công nợ	33.284.373.760	33.284.373.760
	<b>82.711.394.318</b>	<b>82.711.394.318</b>

**Phải trả khác là các bên liên quan**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32).

	<b>20.936.791.319</b>	<b>20.936.791.319</b>
--	-----------------------	-----------------------

**TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

thú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
à Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

/AY

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả	95.682.376.101	95.682.376.101	15.610.571.324	30.896.838.783	80.396.108.642	80.396.108.642
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (CFC) <sup>(1)</sup>	70.271.742.903	70.271.742.903	13.155.606.556	5.486.205.585	77.941.143.874	77.941.143.874
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	25.410.633.198	25.410.633.198	2.454.964.768	25.410.633.198	2.454.964.768	2.454.964.768
	<u>95.682.376.101</u>	<u>95.682.376.101</u>	<u>15.610.571.324</u>	<u>30.896.838.783</u>	<u>80.396.108.642</u>	<u>80.396.108.642</u>
<b>Tài sản dài hạn</b>						
Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC	188.835.254.010	188.835.254.010	967.388.400	59.540.936.475	130.261.705.935	130.261.705.935
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (CFC) <sup>(1)</sup>	118.098.741.848	118.098.741.848	967.388.400	5.486.205.585	113.579.924.663	113.579.924.663
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	70.736.512.162	70.736.512.162	-	54.054.730.890	16.681.781.272	16.681.781.272
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(3)</sup>	86.380.489.966	86.380.489.966	-	1.000.000.000	85.380.489.966	85.380.489.966
	<u>275.215.743.976</u>	<u>275.215.743.976</u>	<u>967.388.400</u>	<u>60.540.936.475</u>	<u>215.642.195.901</u>	<u>215.642.195.901</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(95.682.376.101)	(95.682.376.101)			(80.396.108.642)	(80.396.108.642)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>179.533.367.875</u>	<u>179.533.367.875</u>			<u>135.246.087.259</u>	<u>135.246.087.259</u>

4NH  
HỆP  
CỔ  
CỔ  
9203

HÀNG  
C  
901



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (CFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(i) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018: 3.793.680,00 USD, tương đương với 87.216.703.200 đồng; Số dư vay dài hạn đến hạn trả là 2.394.397 USD, tương đương 55.047.195.054 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(ii) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018: 26.363.221.463 đồng; Số dư vay dài hạn đến hạn trả là 22.893.948.820 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(2) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 77.310.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018: 16.681.781.272 đồng; Số dư vay dài hạn đến hạn trả là 2.454.964.768 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(3) Khoản vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:

Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2018 là 85.380.489.966 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**d) Các khoản vay đối với các bên liên quan**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Gốc vay	Lãi vay	Gốc vay	Lãi vay
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	85.380.489.966	20.188.142.638	86.380.489.966	20.188.142.638
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng <sup>(1)</sup>	113.579.924.663	20.133.805.710	118.098.741.848	17.293.527.113
	<b>198.960.414.629</b>	<b>40.321.948.348</b>	<b>204.479.231.814</b>	<b>37.481.669.751</b>

Ghi chú:

(1) Cổ đông sáng lập

**16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự phòng phải trả các hợp đồng cung cấp thép tấm lá với Công ty Tôn Phương Nam (*)	12.495.864.475	12.495.864.475
	<b>12.495.864.475</b>	<b>12.495.864.475</b>

(\*) Trong năm-2016, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS với giá bán cố định bình quân là 8.891.940 đồng/tấn với Công ty Tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo các hợp đồng là 5.000 tấn, Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn, còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do giá liên tục tăng, việc tiếp tục cung cấp thép có thể dẫn đến những thiệt hại lớn nên Công ty chưa quyết định sẽ tiếp tục cung cấp theo các điều khoản của hợp đồng nêu trên. Do đó Công ty ước tính số dự phòng tổn thất của các hợp đồng trên để ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại các thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018. Đồng thời, Công ty vẫn đang tiếp tục thương lượng với Công ty Tôn Phương Nam để tiếp tục triển khai hợp đồng và giảm thiểu tổn thất có thể phát sinh từ các hợp đồng này.

TY  
HỮU HẠ  
M.T.O.A  
SC  
EM-TP

061 C  
Y  
N  
LÁ  
IAT  
IA VUNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**7 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Đ) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(252.410.377.811)	(51.640.538.067)
Lãi trong kỳ trước	-	-	55.656.524.922	55.656.524.922
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(176.291.802.640)	4.015.986.855
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	769.839.744	(176.291.802.640)	24.478.037.104
Lãi trong kỳ này	-	-	8.475.618.922	8.475.618.922
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(167.816.183.718)	32.953.656.026

**Đ) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000	31,25%
Công ty Tôn Phương Nam	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Dãy	2.800.000.000	1,40%	2.800.000.000	1,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000	6,00%
Các cổ đông khác	84.706.100.000	42,35%	84.706.100.000	42,35%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744	769.839.744
	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	599.628.299.145	763.625.897.172
Doanh thu gia công	46.992.016.077	100.828.258.707
Doanh thu bán phế liệu	9.555.047.815	12.229.469.268
	<b>656.175.363.037</b>	<b>876.683.625.147</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32).	<b>221.466.751.980</b>	<b>210.458.520.340</b>

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	98.989.642
Giảm giá hàng bán	211.937.291	153.835.955
	<b>211.937.291</b>	<b>252.825.597</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	599.029.542.359	735.456.653.425
Giá vốn phế liệu	9.442.214.619	11.819.468.796
Giá vốn dịch vụ gia công	33.504.073.109	60.851.952.191
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.204.794.329)	1.102.071.678
	<b>640.771.035.758</b>	<b>809.230.146.090</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	430.440.022	547.393.065
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	496.584.242	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	155.475.968
	<b>927.024.264</b>	<b>702.869.033</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.574.479.166	5.982.794.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	17.848.325	10.076.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	978.356.677	-
	<b>2.570.684.168</b>	<b>5.992.870.617</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	634.148.486	657.736.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.495.483	541.234.872
	<b>702.643.969</b>	<b>1.198.971.651</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.186.642	147.237.787
Chi phí nhân công	1.701.309.181	1.828.763.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.545.162	115.388.494
Thuế, phí, lệ phí	44.960.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	907.583.188	1.044.676.557
Chi phí khác bằng tiền	1.333.833.071	1.462.970.664

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi do đánh giá lại khoản công nợ	36.086.935	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư	150.904.546	-
Các khoản được bảo hiểm bồi thường	7.421.589	-
Thu nhập khác	-	59.602.906
	<b>194.413.070</b>	<b>59.602.906</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.942.692	75.789.418
Chi phí khác	476.520.327	434.931.413
	<b>481.463.019</b>	<b>510.720.831</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.475.618.922	55.656.524.922
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.475.618.922)	(55.656.524.922)
- Chuyển lỗ các năm trước	(8.475.618.922)	(55.656.524.922)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.475.618.922	55.656.524.922
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.475.618.922	55.656.524.922
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>424</b>	<b>2.783</b>

Công ty không có bất kỳ khoản thuế hoãn nộp lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	600.044.204.052	770.600.254.066
Chi phí nhân công	7.385.233.010	9.018.688.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.003.838.168	14.071.514.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.447.023.300	16.946.820.768
Chi phí khác bằng tiền	8.076.445.536	3.416.173.454
	<b>666.956.744.066</b>	<b>814.053.451.938</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Các loại công cụ tài chính của Công ty

		Giá trị sổ kế toán		
		30/06/2018	01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.395.321.918	-	97.835.311.975	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.054.972.583	-	14.530.269.259	-
	<b>93.450.294.501</b>	<b>-</b>	<b>112.365.581.234</b>	<b>-</b>

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ		215.642.195.901	275.215.743.976
Phải trả người bán, phải trả khác		326.031.666.971	219.757.995.199
Chi phí phải trả		3.914.738.553	4.474.560.239
		<b>545.588.601.425</b>	<b>499.448.299.414</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.395.321.918	-	-	28.395.321.918
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.054.972.583	-	-	65.054.972.583
	<u>93.450.294.501</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>93.450.294.501</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.835.311.975	-	-	97.835.311.975
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.530.269.259	-	-	14.530.269.259
	<u>112.365.581.234</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.365.581.234</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	80.396.108.642	135.246.087.259	-	215.642.195.901
Phải trả người bán, phải trả khác	326.031.666.971	-	-	326.031.666.971
Chi phí phải trả	3.914.738.553	-	-	3.914.738.553
	<b>410.342.514.166</b>	<b>135.246.087.259</b>	<b>-</b>	<b>545.588.601.425</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	95.682.376.101	179.533.367.875	-	275.215.743.976
Phải trả người bán, phải trả khác	219.757.995.199	-	-	219.757.995.199
Chi phí phải trả	4.474.560.239	-	-	4.474.560.239
	<b>319.914.931.539</b>	<b>179.533.367.875</b>	<b>-</b>	<b>499.448.299.414</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>		<b>221.466.751.980</b>	<b>210.458.520.340</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	221.466.751.980	194.718.961.340
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cổ đông sáng lập	-	15.739.559.000
<b>Mua hàng</b>		<b>143.153.204.937</b>	<b>37.452.315.412</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cổ đông sáng lập	143.153.204.937	37.245.053.500
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	-	207.261.912

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>78.602.496.802</b>	<b>50.110.763.556</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cổ đông sáng lập	76.419.230.304	47.927.497.058
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng	Cổ đông sáng lập	2.183.266.498	2.183.266.498
Người mua trả tiền trước		<b>108.256.107</b>	<b>108.256.107</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	108.256.107	108.256.107
<b>Lãi trả chậm</b>		<b>20.936.791.319</b>	<b>20.936.791.319</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cổ đông sáng lập	10.158.875.813	10.158.875.813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	10.777.915.506	10.777.915.506

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	205.652.749	233.647.845
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	183.928.872	208.966.736

### 33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

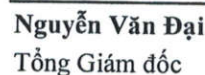


Võ Thị Thủy  
Người lập



Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2018